

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/DS - PT

Ngày 31 - 01 - 2024

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Lâm Hồng

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Phi Long

Ông Trương Quyết Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/01/2024 và ngày 31/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLPT-DS ngày 25/10/2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐ-PT ngày 05/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số : 76/ 2023/QĐPT ngày 20/12/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 48/2024/QĐPT ngày 18/01/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** - Ông Vũ Hải M

Địa chỉ: Tổ 5A, thị trấn R, huyện Y, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**2. Bị đơn:** - Anh Đỗ Văn S

Địa chỉ: Thôn 3 Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Nông Như Q

Địa chỉ: Thôn 3 Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn anh Đỗ Văn S

## NỘI DUNG VỤ ÁN

### ***Nguyên đơn ông Vũ Hải M trình bày:***

Ngày 02/01/2018 ông M và anh Đỗ Văn S cùng vợ là Hoàng Như Q lập Hợp đồng cổ phần chung 01 máy xúc hiệu PECOPE SK 60 – 1 với giá 360.000.000 đồng. Tại hợp đồng, anh M và Ông S, chị Q thỏa thuận mỗi bên góp 180.000.000 đồng, nội dung Ch hợp đồng như sau: “*Máy sẽ cho thuê 01 tháng là 28.000.000 đồng. Nếu một trong hai bên thuê thì có nghĩa vụ thanh toán cho bên còn lại số tiền 10.000.000 đồng/01 tháng. Bên thuê lại máy phải trả tiền công cho người điều khiển máy là 8.000.000 đồng/01 tháng. Trong trường hợp có việc mà bên thuê lại máy không cho máy đi làm thì vẫn phải có nghĩa vụ trả lại cho bên thuê máy 10.000.000 đồng/tháng; Nếu làm khoán cho người dân thì hai bên cùng thống nhất, hai bên cùng bàn bạc thống nhất, hợp lý thì làm, trong khi làm phải có giấy tờ theo dõi, ghi chép; Hai bên cùng có trách nhiệm chung việc bảo vệ, sửa chữa máy khi hỏng*”. Sau khi lập hợp đồng, anh S và chị Q thuê lại ½ máy xúc, mỗi tháng anh S và chị Q có trách nhiệm trả tiền thuê cho ông M là 10.000.000 đồng/01 tháng, thời hạn thuê máy kể từ ngày lập hợp đồng là ngày 02/1/2018 đến ngày bán máy là 15/4/2019 cũng là ngày kết thúc hợp đồng cho thuê máy. Ông M xác định thời gian cho anh S cùng chị Q thuê lại ½ máy xúc là 13 tháng 10 ngày, sau khi trừ cho anh S và chị Q 20 ngày ăn tết và 26 ngày sửa máy, ông M xác định thời gian còn lại là 11 tháng 24 ngày. Trong quá trình sử dụng máy xúc bị hỏng hóc, anh S, chị Q phải sửa chữa, tổng số tiền là 32.500.000 đồng, mỗi bên phải chịu ½ số tiền sửa chữa nên anh S trừ vào số tiền anh S phải trả cho ông M khi thuê máy xúc là: 16.250.000 đồng, trong quá trình thuê anh S đã thanh toán cho ông M số tiền thuê là 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M nhất trí trừ cho anh S và chị Q 2.000.000 đồng tiền thuê xe chở máy, thay đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ tính lãi suất 0,83%/01 tháng đến ngày xét xử sơ thẩm. Vì vậy ông M yêu cầu anh S và chị Q phải có trách nhiệm trả anh số tiền thuê ½ máy xúc còn nợ lại là: 39.750.000 đồng và yêu cầu khoản tiền lãi của số tiền thuê máy chưa trả theo mức lãi suất là:  $0,83\%/1 \text{ tháng} = 329.925 \text{ đồng/01 tháng} \times 53 \text{ tháng} = 17.486.025 \text{ đồng}$ , tổng cộng cả gốc và lãi là 57.236.025 đồng.

### ***Bị đơn anh Đỗ Văn S trình bày:***

Ngày 02/01/2018 anh S và ông M có mua chung 01 máy xúc hiệu PECOPE SK 60 – 1 với giá 360.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi bên góp cổ phần là 180.000.000 đồng và có viết tay 01 Hợp đồng chung máy. Sau khi ký hợp đồng, có một số gia đình thuê máy xúc để làm khoán cá nhân và có một số tháng người ngoài đứng ra thuê máy, hai bên đã cộng sổ thanh toán quyền lợi cho nhau. Trong quá trình hợp tác, chưa có lần nào anh S và ông M lấy máy xúc đi làm riêng để phải trả tiền thuê tháng cho bên còn lại là 10.000.000 đồng. Đến ngày 15/4/2019 hai bên chấm dứt hợp đồng chung máy xúc. Anh S thừa nhận còn nợ lại anh M số tiền 30.000.000 đồng, tiền lợi nhuận làm chung chưa thanh toán, đã có giấy hẹn anh M. Ngày 19/4/2019 do bán máy có tiền và còn nợ lại ông M nên vợ anh S đã thanh toán số tiền 30.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị B là vợ ông M. Nay ông

M khởi kiện cho rằng, anh S còn nợ lại số tiền 41.670.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền thuê máy chưa trả, anh S không nhất trí với yêu cầu trên của ông M.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nông Như Q trình bày:***

Ngày 02/01/2018, chồng chị Q và anh S cùng ký hợp đồng mua chung 01 máy xúc hiệu PECOPE SK 60 – 1 với giá 360.000.000 đồng. Nội dung của hợp đồng về việc hai bên cùng chung máy xúc, cùng làm cho dân. Sau khi tính toán số tiền hai bên cùng làm chung từ việc cho thuê máy xúc, anh S đã trả được cho ông M 30.000.000 đồng, nợ lại 30.000.000 đồng. Ngày 19/4/2019 chị Q đã đưa bà Bản là vợ ông M số tiền còn nợ lại là 30.000.000 đồng. Tổng cộng anh S đã thanh toán cho ông M số tiền 60.000.000 đồng và không còn nợ lại ông M nữa. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông M yêu cầu anh S và chị Q phải thanh toán nốt cho ông M số tiền thuê máy còn nợ lại, chị Q không nhất trí trả.

Bản án số 08/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 290, 357, 468, 472, 473, 474, 476, 481 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hải M. Buộc anh Đỗ Văn S và chị Nông Thị Q phải trả ông Vũ Hải M số tiền thuê tài sản là 39.750.000, số tiền lãi là 17.486.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 57.236.000 đồng. Quy phân cụ thể: Anh Đỗ Văn S và chị Nông Như Q mỗi người phải trả ông Vũ Hải M 28.618.000 đồng

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/9/2023, bị đơn anh Đỗ Văn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Vũ Hải M. Ngày 12/10/2023 anh Đỗ Văn S có đơn kháng cáo bổ sung, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy bản án sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Lào Cai và đình chỉ xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Vũ Hải M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thời gian anh S và chị Q thuê máy cho đúng với thực tế. Bị đơn anh Đỗ Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về hình thức: Kháng cáo của bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, xác định sai mối quan hệ tranh chấp và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng: Căn cứ khoản 3 Điều 308, điều 310 BLTTDS; Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của TAND huyện Y giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo ngày 26/9/2023 của Đỗ Văn S có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ, làm căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Xét đơn kháng cáo bổ sung của anh Đỗ Văn S đề ngày 12/10/2023 đề nghị cấp phúc thẩm xem xét thời hiệu giải quyết tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, anh S cho rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm anh S đã yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm. Kể từ ngày 19/4/2019 đến ngày 19/4/2022 là hết thời hiệu giải quyết tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, và đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Kiểm tra tại biên bản phiên tòa ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, không thể hiện việc bị đơn anh Đỗ Văn S yêu cầu áp dụng thời hiệu giải quyết. Tại Khoản 2 Điều 184 Bộ Luật tố tụng dân sự quy định: *“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh hoặc thực hiện nghĩa vụ”*. Như vậy, yêu cầu nêu trên anh S chưa được đưa ra trong quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Y nên chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Việc anh S yêu cầu áp dụng thời hiệu để giải quyết hợp đồng thuê tài sản, đình chỉ xét xử vụ án là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy: Ngày 02/01/2018 giữa ông Vũ Hải M và anh Đỗ Văn S có lập hợp đồng chung máy xúc với nội dung ông M và anh S có cùng nhau mua máy xúc cô pê cô SK 60 -1 với giá trị 360 triệu, cổ phần của mỗi người sẽ là 180.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông M và bị đơn anh S đều xác nhận anh S mua lại cổ phần máy xúc của anh C là người mua chung máy xúc với ông M và được ông M đồng ý, anh S đã trả cho anh C số tiền 180.000.000 đồng, sau đó giữa ông M và anh S mới lập hợp đồng mua chung máy xúc ngày 02/01/2018. Do đó cần xác định đây là tranh chấp hợp đồng hợp tác theo quy định tại điều 504 BLDS. Cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng thuê tài sản là không đúng.

[3] Thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ

Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa làm rõ cụ thể thời gian thực tế anh S lấy máy đi làm công trình; Ông M hay anh S là người thuê lái và trả tiền công cho lái xe máy xúc; Chưa lấy lời khai của anh C và anh M (nhà tại KM11-B) là những người lái máy xúc để làm rõ nội dung ai là người thuê và trả tiền công cho các anh; Chưa lấy lời khai của ông Phan Đình C, trưởng thôn 9 S xã H để làm rõ việc Ông M hay anh S nhận công trình đường nông thôn mới và ai là người trực tiếp nhận thanh toán tiền công trình trong thời gian thực hiện hợp đồng tại thôn 9 S xã H, huyện Y để làm căn cứ xem xét số tiền còn lại anh S phải thanh toán cho ông M cụ thể là bao nhiêu? Chưa xác M làm rõ thời gian anh S thi công làm đường tại thôn 2 S xã H do người làm chứng anh Lý Minh Đ cung cấp máy xúc không hoạt động do thời tiết mưa nhiều để làm căn cứ chấp nhận hoặc bác yêu cầu của các Đương sự trong vụ án; Chưa lấy lời khai của bà Nguyễn Thị B để xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 23/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ cho các đương sự đối chất; lấy lời khai của nguyên đơn ông Vũ Hải M, bị đơn anh Đỗ Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nông Như Q. Theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 97 BLTTDS. Như vậy vụ án thuộc trường hợp phải có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát cùng cấp theo quy định tại khoản 2 điều 21 BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp để nghiên cứu và phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là không đúng theo Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử, vi phạm điều 21 BLTTDS.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; Xác định sai mối quan hệ pháp luật tranh chấp; Thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, Vì vậy cần Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Hủy bản án Sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của TAND huyện Y giao hồ sơ cho cấp Sơ thẩm giải quyết lại theo vụ án theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo anh Đỗ Văn S không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Lào Cai, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Về án phí phúc thẩm: Anh Đỗ Văn S không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh Đỗ Văn S số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002752 ngày 27/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Lâm Hồng**